TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 25-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 08/02/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đại H, sinh năm: 1973 – Chủ Hộ kinh doanh T. Địa chỉ: khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Diễm M, sinh năm: 1996 (theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2021 - có mặt).

Địa chỉ: Khóm S, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Thái Thị C, sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: đường P, khóm 7, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/05/2021 của ông Trần Đại H – chủ hộ kinh doanh T và lời trình bày của bà Trần Diễm M tại phiên tòa thì:

Ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T có thực hiện việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với bà Thái Thị C, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói và thực hiện giao dịch qua sổ giao nhận hàng tên "Cô Tám".

Các bên thực hiện mua bán từ ngày 28/02/2017, hàng hóa được nhân viên của ông H giao hàng tận nơi hoặc bà C và người nhà bà C đến lấy hàng tại kho của ông H, cuối mùa thu hoạch tôm thì bà C phải thanh toán hết nợ. Trường hợp thấy công nợ cao mà bà C không thanh toán thì ông H có quyền chấm dứt việc giao hàng và đề nghị bà C thanh toán hết tiền hàng còn nợ. Tới điểm chấm dứt việc giao hàng là vào ngày 27/8/2018 và xác nhận bà C còn nợ là 323.155.000 đồng.

Trong quá trình giao dịch ông Trần Đại H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu của bà C. Sau khi nhận hàng thì bà C không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông H giao. Ông H thực hiện theo thỏa thuận, nhưng bà C không thực hiện thanh toán hết tiền hàng, mặc dù ông H đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà C vẫn không thực hiện.

Ngày 14/12/2018, hai bên xác nhận bà C còn nợ ông H số tiền 323.155.000 đồng, đến ngày 01/3/2019 bà C trả lại 18 bao thức ăn còn dư nên trừ lại 12.698.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 310.457.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đơn khởi kiện ngày 01/5/2021, nguyên đơn yêu cầu bà Thái Thị C phải thanh toán cho ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc 310.457.000 đồng và yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn bà Thái Thị C phải thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 310.457.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

- Theo lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 27/01/2022 và lời trình bày của bà Thái Thị C tại phiên tòa thì:

Bà Thái Thị C thừa nhận, từ ngày 28/02/2017 đến 27/8/2018, bà có mua thức ăn và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T – do ông Trần Đại H là Chủ hộ. Việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói và thực hiện giao dịch qua sổ giao nhận hàng tên "Cô Tám".

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 28/02/2017, hàng hóa được nhân viên của ông H giao hàng tận nơi hoặc bà C và người nhà bà C đến lấy hàng tại kho của ông H, cuối mùa thu hoạch tôm thì bà C phải thanh toán hết nợ.

Trong quá trình thực hiện giao dịch ông Trần Đại H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu của bà C. Sau khi nhận hàng thì bà C không có phàn nàn về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông H giao.

Trong quá trình nuôi tôm, do tôm bị bệnh thất thu nên bà C không có khả năng thanh toán tiền hàng cho Hộ kinh doanh T – do ông Trần Đại H là Chủ hộ đúng theo thỏa thuận.

Đến ngày 27/8/2018, ông Trần Đại H đã không giao thức ăn và thuốc thủy sản cho bà nữa.

Ngày 14/12/2018, giữa bà Thái Thị C và Hộ kinh doanh T – do ông Trần Đại H có làm Bảng đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó số tiền mà bà C còn nợ Hộ kinh doanh T là 323.155.000 đồng. Bà C thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Thái Thị C phía dưới dòng chữ Khách hàng trong Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 14/12/2018 đúng là chữ ký và chữ viết tên của bà C.

Đến ngày 01/3/2019 bà C trả lại 18 bao thức ăn còn dư nên trừ lại 12.698.000 đồng, tổng số tiền còn nợ là 310.457.000 đồng.

Nay bà Thái Thị C thừa nhận bà còn nợ và đồng ý trả cho ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản chưa thanh toán là 310.457.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay bà đã lớn tuổi, không có thu nhập và tài sản nên bà C yêu cầu được trả dần hoặc sẽ trả đủ một lần sau một năm.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diên Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản chưa thanh toán là 310.457.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T yêu cầu bị đơn bà Thái Thị C, cư trú tại đường P, khóm 7, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 310.457.000 đồng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán hàng hóa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 310.457.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất từ ngày 28/02/2017 đến 27/8/2018, giữa ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T và bà Thái Thị C có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản bằng lời nói, theo thỏa thuận, hàng hóa được nhân viên của ông H giao hàng tận nơi hoặc bà C và người nhà bà C đến lấy hàng tại kho của ông H, cuối mùa thu hoạch tôm thì bà C phải thanh toán hết nợ. Quá trình thực hiện bà C không thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Ngày 14/12/2018, bà C xác nhận còn nợ ông H số tiền 323.155.000 đồng, đến ngày 01/3/2019 bà C trả lại 18 bao thức ăn còn dư nên trừ lại 12.698.000 đồng, tổng số tiền bà C còn nợ ông H là 310.457.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định: Ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T và bà Thái Thị C có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản bằng lời

nói, các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Ông Trần Đại H đã thực hiện việc giao thức ăn và thuốc thủy sản cho bà C theo đúng cam kết nhưng bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông H, tính đến nay bà C còn nợ ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T số tiền 310.457.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*, do đó, ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T yêu cầu bà Thái Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 310.457.000 đồng là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của bị đơn được trả dần hoặc sẽ trả đủ một lần sau một năm, số tiền còn nợ cho nguyên đơn, nhận thấy yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận; yêu cầu này của bị đơn sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5]. Từ những phân tích trên đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T không phải chịu.

Bà Thái Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án số tiền án phí là 15.522.850 đồng; Tuy nhiên, bà C là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T. Buộc bà Thái Thị C trả cho ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 310.457.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thái Thị C được miễn án phí.

- Ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Đại H là Chủ Hộ kinh doanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.443.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0007919 ngày 17/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3/. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phước Tài